

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2017/DS-ST**

Ngày: **12/6/2017**

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Ông **Trần Đông Nhựt**

2/. Ông **Trần Quang Trí**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Văn Ngọc Hân**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 12/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS, ngày 23/01/2017 về “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXX-ST ngày 09/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* 1.1. Ông **Lê Phước T**, sinh năm 1982 (có mặt)

1.2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A ấp B, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Song L** (tên gọi khác: Hai), sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số B đường H, khóm 33, phường 88, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2017 của nguyên đơn Lê Phước T và nguyên đơn Nguyễn Thị Q và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà Q đều trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 15/8/2016 vợ chồng nguyên đơn có cho bị đơn là bà Phạm Thị Song L vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay tiền thì hai bên có

làm biên nhận với mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng và bị đơn L có đưa cho vợ chồng nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 976252 đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Vũ Thị Hồng Nh, sinh năm 1991 vào ngày 25/8/2015 nhưng đã được thay đổi và cơ sở pháp lý cho bà Phạm Thị Song L vào ngày 06/6/2016. Đến thời hạn trả tiền bị đơn L không trả tiền vốn và tiền lãi đúng theo thỏa thuận. Các nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn L vẫn không thực hiện việc trả tiền vốn vay cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Phước T và nguyên đơn Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Phạm Thị Song L phải trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 19.778.000 đồng (được tính từ ngày 15/8/2016 đến ngày 09/6/2017 với mức lãi suất là 20%/năm). Tổng cộng vốn và lãi là 119.778.000 đồng. Khi nào bị đơn L trả hết nợ thì vợ chồng nguyên đơn sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị đơn L.

Trong quá trình vay bị đơn L đã đóng lãi được các tháng như sau: ngày 15/9/2016; 15/10/2016 và 15/11/2016 được số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Đối với tiền lãi mà bị đơn đã đóng, các nguyên đơn chỉ đồng ý khấu trừ khi nào bị đơn L trả hết số tiền lãi và tiền vốn vay cho các nguyên đơn.

**\* Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Phạm Thị Song L trình bày:**

Vào ngày 15/8/2016 bị đơn có vay của vợ chồng nguyên đơn Lê Phước T và nguyên đơn Nguyễn Thị Q số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, khi vay tiền bị đơn L và các nguyên đơn có làm biên nhận, biên nhận do bị đơn tự viết. Khi vay tiền bị đơn có đưa cho các nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngay sau khi đã nhận đủ số tiền vốn vay thì bị đơn L đã đóng trước tiền lãi của tháng đầu tiên cho các nguyên đơn với số tiền là 5.000.000 đồng, tiếp đó bị đơn đã đóng lãi được đến ngày 15/11/2016, bị đơn đã đóng lãi được 03 tháng với số tiền là 15.000.000 đồng. Nay các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay là tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, bị đơn không đồng ý mức lãi suất nêu trên.

Tại phiên tòa bị đơn L đồng ý trả nợ cho các nguyên đơn số tiền còn thiếu sau khi đã khấu trừ số tiền lãi 15.000.000 đồng mà bị đơn đã đóng vượt quá quy định của pháp luật, bị đơn yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Phạm Thị Song L thừa nhận vào ngày 15/8/2016 bị đơn L có vay của vợ chồng nguyên đơn T và Q số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà L đã vay của các nguyên đơn 100.000.000 đồng tiền vốn vay là có thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T và nguyên đơn Q thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ biên nhận do bị đơn Phạm Thị Song L đã viết và ký tên ngày 15/8/2016 với số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 5%/tháng, thời hạn vay là một tháng, Nội dung của giấy biên nhận nêu trên phù hợp với nội dung tại các phiên hòa giải tại Tòa án, bị đơn L đều thừa nhận vào ngày 15/8/2016 bị đơn có làm giấy biên nhận, thỏa thuận thời hạn trả nợ và tiền lãi như trên. Do bị đơn L không thực hiện việc trả tiền cho các nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận là 01 tháng, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn T và Q là có căn cứ.

Xét về mức lãi suất: Tại phiên tòa các nguyên đơn đều yêu cầu bị đơn L phải trả số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 119.778.000 đồng, các nguyên đơn chỉ đồng ý khấu trừ số tiền lãi 15.000.000 đồng cho bị đơn khi nào bị đơn trả hết số tiền vốn và tiền lãi cho các nguyên đơn. Còn bị đơn L yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định của pháp luật vào số tiền vốn vay và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tờ biên nhận ngày 15/8/2016 bị đơn L đã thỏa thuận thời gian vay là 01 tháng và trả tiền lãi 5%/tháng. Tuy nhiên, bị đơn L không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên, xét yêu cầu tính lãi của các nguyên đơn T và Q thì thấy rằng theo hợp đồng vay là 5%/tháng là quá cao theo quy định tại Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tại tòa các đương sự đều thừa nhận từ khi vay đến nay bà L có đóng lãi cho các nguyên đơn được 03 tháng (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 15/11/2016), số tiền 15.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471; Điều 474; khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam buộc bị đơn L có trách nhiệm trả cho các nguyên đơn số tiền vốn vay như sau:

Từ ngày 15/8/2016 đến ngày 15/11/2016:  $03 \text{ tháng} \times 1.125\% \times 100.000.000 \text{ đ} = 3.375.000 \text{ đồng}$ . Bà L đã đóng được 15.000.000 đồng nên còn thừa lại số tiền  $15.000.000 \text{ đồng} - 3.375.000 \text{ đồng} = 11.625.000 \text{ đồng}$ . Số tiền này được khấu trừ vào số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.

100.000.000 đ – 11.625.000 đồng = 88.375.000 đồng

Từ ngày 16/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 06 tháng 24 ngày x 1.125% x 88.375.000 đồng = 6.760.700 đồng (đã làm tròn số)

Như vậy, bà L có trách nhiệm trả cho ông T và bà Q số tiền vốn vay là 88.375.000 đồng và tiền lãi là 6.760.700 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 95.135.700 đồng

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T và Q, buộc bị đơn L phải trả cho các nguyên đơn 88.375.000 đồng đồng tiền vốn và tiền lãi là 6.760.700 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là: 95.135.700 đồng.

Kể từ ngày ông Lê Phước T và bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị Song L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn T và nguyên đơn Q đều tự nguyện trả lại cho bị đơn L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 976252 đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Vũ Thị Hồng Nh, sinh năm 1991 vào ngày 25/8/2015 và đã được thay đổi và cơ sở pháp lý cho bà Phạm Thị Song L vào ngày 06/6/2016. Khi bị đơn L thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho các nguyên đơn.

**Về án phí:** Nguyên đơn Lê Phước T và nguyên đơn Nguyễn Thị Q cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn Phạm Thị Song L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Các nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Điều 5; Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 và Khoản 4 Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 147; Khoản 1 Điều 273, Khoản 1

Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 471; Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Phước T và Nguyễn Thị Q

Buộc bị đơn Phạm Thị Song L (tên gọi khác: Hai) phải trả cho nguyên đơn T và Q, tiền vốn 88.375.000 đồng đồng và tiền lãi 6.760.700 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là: 95.135.700 đồng

Kể từ ngày ông Lê Phước T và bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị Song L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn T và nguyên đơn Q về việc sau khi bà L thanh toán xong các khoản nợ cho các nguyên đơn, thì các nguyên đơn sẽ trả lại cho bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 976252 đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Vũ Thị Hồng Nh, sinh năm 1991 vào ngày 25/8/2015 nhưng đã được thay đổi và cơ sở pháp lý cho bà Phạm Thị Song L vào ngày 06/6/2016

Về án phí: Bà Phạm Thị Song L phải chịu là 4.756.785 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn T và Q cùng phải chịu 1.232.115 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.844.450 đồng theo biên lai thu số 0004854 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn T và nguyên đơn Q được nhận lại số tiền còn dư là 1.612.335 đồng.

Nguyên đơn Lê Phước T, nguyên đơn Nguyễn Thị Q và bị đơn Phạm Thị Song L (*bị đơn L không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng*) đều có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

**Nguyễn Thị Kim Huệ**